

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, nếu có người nhìn thống (cảm thọ) này là thân, hoặc có người thấy cảm thọ này, chấp chẳng phải là thân, chỉ vì thấy pháp cánh (xúc), thống (thọ) của thân chính là thân, hoặc thấy toàn thân là cảm thọ đó, không phải là thân, cũng không phải là pháp cảm thọ; thấy pháp cảm thọ, chấp không phải là thân, chỉ vì thấy thân này là thân. Này A-nan, hoặc là ngay cảm thọ này chấp là thân nên đối với vấn đề đó mà nói như vậy: “Này Hiền giả, thống (thọ) này có ba loại, có lạc thọ, có khổ thọ, có bất khổ bất lạc thọ. Này Hiền giả, đối với ba thọ này, thấy thọ nào là thân?” Này A-nan, khi lạc thọ, lúc đó hai thọ kia là khổ và bất lạc khổ thọ đã diệt, lúc đó chỉ là lạc cánh (xúc). Này A-nan, lạc thọ là vô thường. Nếu khổ đã diệt, này A-nan, lạc thọ đã diệt, lia thân, không chấp rằng ở trong thân. Như vậy, ngay lúc đó, này A-nan, lúc khổ thọ có mặt, bấy giờ hai thọ đã diệt, vậy là lạc hay khổ? Lúc đó chỉ là tiếp xúc với cảm thọ khổ. Này A-nan, khổ thọ là vô thường, là pháp khổ tận. Này A-nan, lúc khổ thọ đã hết, thân không còn biết cánh nữa, lúc đó, này A-nan, cũng không khổ, cũng không lạc, không tiếp xúc với cảm thọ đó nữa. Bấy giờ hai thọ đã diệt, vậy thọ cũng tức là khổ, chỉ vì lúc đó không khổ, không lạc, xúc là thọ. Này A-nan, không khổ không lạc thọ là vô thường. Khi khổ tận thì cảm thọ không khổ, không lạc, này A-nan, cũng đã tận, vậy lẽ ra phải là không có thân? Tự vị ấy chấp trước. Này A-nan, hoặc có người hành đạo đối với thọ là pháp vô thường, cho đó là thân. Này A-nan, hoặc có người hành đạo, buông lung với lạc thọ, khổ thọ, tự thấy là thân. Này A-nan, do nhân duyên như vậy không nên cho thọ là thân, thấy đó là thân. Này A-nan, nếu có người hỏi: “Nếu không chấp thọ, thấy là thân, thì xúc và thọ chỉ là pháp của thân chăng?”.

Thì nên đáp lại:

“Này Hiền giả, nếu không có thọ và xúc, cũng không thấy cái bị xúc, vậy cần có nó không?” Lúc đó, này A-nan, vị Tỳ-kheo thấy không có cảm thọ chấp chẳng phải là thân, vậy có nên xem pháp xúc và thọ này cũng là thân chăng?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, do nhân duyên này không thể nào chấp xúc và thọ là thân, cũng không thể khiến cho một người hoàn toàn không có

chấp cảm thọ là thân, mà chỉ thấy là xúc và thọ của thân. Nay A-nan, vì không chấp thọ là thân, cũng không thấy thọ ấy chẳng phải là thân, cũng không thấy xúc và thọ của thân, đối với pháp cảm thọ cũng không thấy, không chấp là thân mà chỉ thấy vì chấp ngã nên bất giác cho là thân này chính là thân. Có thể đáp: “Này Hiền giả, tự chấp tất cả điều ấy là thân mà không có xúc và thọ, vậy có thể có thân không?”.

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo, không chấp thọ là thân, thân cũng không có xúc và thọ, thấy pháp cảm thọ cũng không phải là thân, có thân chỉ vì thân không tỉnh thức mà thôi. Quán thân như vậy, vậy có thân chăng?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Nay A-nan, do nhân duyên như vậy, không nên cho rằng không có thọ là thân, cũng không cho rằng thân là xúc, cũng không nên cho rằng pháp là thân, cũng không nên cho rằng không biết thân là thân. Nay A-nan, như vậy tất cả thọ là pháp tác động lên thân rồi thấy cảm thọ hiện lên thân. Nay A-nan, có bao nhiêu nhân duyên hoặc là hành đạo, không bị cảm thọ tác động, vậy thấy hay không thấy thân?

A-nan thưa:

–Pháp này vốn do Phật dạy, cũng do Phật nói, cúi mong Phật vì con tuyên thuyết. Sau khi Phật dạy, đệ tử sẽ thọ trì, làm cho lời dạy đó được hiểu rõ, lợi ích.

Đức Phật bảo A-nan:

–Hãy lắng nghe, thọ trì rồi nhớ mãi những điều đã thọ trì, ta sẽ vì ông mà nói.

Như vậy Hiền giả A-nan nghe pháp do Phật nói. Đức Phật liền dạy:

–Nay A-nan, có Tỳ-kheo không cho thọ là thân, cũng không thấy thọ là thân, cũng không phải là sự xúc chạm của thân, cũng không có pháp cảm thọ chấp là thân, cũng không thấy thân kiến là thân, cũng không do hoặc cho hữu là thân, cũng không theo cái thấy này thấy là thân, rồi thấy như vậy không trở lại thế gian, khiến cho không còn thọ thế gian; đã không còn trở lại thế gian nữa thì không còn ưu sầu; đã không ưu sầu nữa liền được giải thoát thế gian và tự biết rằng: “Ta đã chấm dứt sanh, lão, bệnh, tử, ưu sầu, việc cần làm đã hoàn mãn, việc cần làm đã làm xong, không còn trở lại thế gian nữa”. Do đó, nay A-nan, nếu là người hành đạo thì không chấp thọ là thân, tự mình tu tập phương tiện, cũng không thấy kiến là thân. Nay A-nan, có bao nhiêu

nhân duyên để kẻ hành đạo lấy sắc làm thân?

A-nan thưa:

–Pháp vốn do Phật dạy, từ Ngài mà lưu xuất, cúi mong Ngài vì con mà nói. Sau khi Ngài dạy, đệ tử sẽ thọ trì, khiến cho lời dạy ấy được hiểu rõ, lợi ích.

Đức Phật bảo A-nan:

–Hãy lắng nghe, thọ trì, khéo nhớ nghĩ, Ta sẽ nói.

Như vậy Hiền giả A-nan nghe pháp do Phật nói. Đức Phật liền dạy:

–Này A-nan, có người hành đạo cho sắc hành nhỏ hẹp là thân. Này A-nan, hoặc có người hành đạo cho không phải sắc hành nhỏ hẹp là thân, sắc hành không có hạn lượng là thân, chỉ cho rằng không có sắc hành nhỏ hẹp là thân. Này A-nan, hoặc có người hành đạo cũng không cho là sắc hành nhỏ hẹp, cũng không cho là sắc hành không có hạn lượng, cũng không cho là không có sắc hành nhỏ hẹp là thân.

Này A-nan, hoặc có người hành đạo cũng không cho là sắc hành nhỏ hẹp, cũng không cho sắc hành không có hạn lượng, cũng không cho là không có sắc hành nhỏ hẹp là thân, mà chỉ cho không phải sắc hành không hạn lượng là thân.

Này A-nan, hoặc có người hành đạo cho sắc hành nhỏ hẹp là thân. Hiện tại, này A-nan, có người hành đạo cho rằng sắc hành nhỏ hẹp là thân, khi thân hoại mạng chung nhận thấy có một ảnh tượng (ngã) của thân. Như vậy, quan niệm hai yếu tố (sắc hành nhỏ hẹp là thân và ảnh tượng của thân) như vậy là không đúng, từ quan điểm đó đưa đến suy nghĩ như vậy. Này A-nan, có người hành đạo cho sắc hành nhỏ hẹp là thân, rồi tự mình có quan niệm như vậy. Từ đó, này A-nan, có người hành đạo cho sắc hành nhỏ hẹp là thân, nên bị kiết sử ràng buộc.

Này A-nan, hoặc có người hành đạo không cho sắc hành nhỏ hẹp là thân, chỉ cho sắc không có hạn lượng là thân. Hiện tại, này A-nan, hoặc có người hành đạo cho sắc không có hạn lượng là thân, khi thân hoại mạng chung nhận thấy có ảnh tượng (ngã) của thân như vậy, quan niệm hai yếu tố (sắc hành không có hạn lượng là thân và ảnh tượng của thân) như vậy là không đúng, từ quan điểm đó đưa đến suy nghĩ như vậy. Này A-nan, hoặc có người hành đạo, chấp thân là sắc không có hạn lượng. Cũng vậy, này A-nan, hoặc có người hành đạo cho sắc không có hạn lượng là thân rồi bị kiết sử trói buộc.

Này A-nan, hoặc có người hành đạo cho rằng chẳng phải sắc nhỏ

hẹp, cũng chẳng phải sắc không có hạn lượng, nhưng chấp rằng chỉ có niệm mới nhớ nghĩ đến sắc nhỏ hẹp là thân. Hiện tại, này A-nan, hoặc có người hành đạo cho rằng không phải sắc nhỏ hẹp là chấp thân, khi đã thân hoại mạng chung, nhận thấy có ảnh tượng (ngã) của thân. Hai quan điểm trên như vậy là không đúng, từ quan điểm đó đưa đến suy nghĩ như vậy. Này A-nan, hoặc có người hành đạo cho rằng không phải sắc nhỏ hẹp tự chấp là có thân. Cũng vậy, này A-nan, hoặc có người hành đạo cho rằng không phải sắc nhỏ hẹp khiến có thân rồi bị kiết sử ràng buộc.

Này A-nan, hoặc có người hành đạo cho rằng cũng không phải sắc nhỏ hẹp, cũng không phải sắc không có hạn lượng, cũng không phải không có sắc nhỏ hẹp, cũng không phải không có sắc không có hạn lượng, mà là thân đọa hành (thân ràng buộc trong các hành). Hiện tại, này A-nan, hoặc có người hành đạo cho rằng cũng không phải sắc nhỏ hẹp, cũng không phải sắc không có hạn lượng, cũng không phải là không có sắc nhỏ hẹp, cũng không phải không có sắc không có hạn lượng, mà là thân kế đọa (thân bị chấp thủ ràng buộc), khi thân hoại mạng chung, nhận thấy có ảnh tượng (ngã) của thân. Hai quan điểm trên như vậy là không đúng, từ quan điểm đó đưa đến suy nghĩ như vậy. Này A-nan, hoặc có người hành đạo không phải sắc không có hạn lượng tự chấp là có thân. Theo đó, này A-nan, hoặc có người hành đạo mà chấp như vậy, chẳng phải sắc bị trói buộc sai sử.

Cũng vậy, này A-nan, hoặc có người hành đạo tự mình có những quan điểm đưa đến chấp trước về thân, vậy thân có mấy nhân duyên, này A-nan, để người hành đạo cho rằng sắc không phải là những yếu tố tác thành thân?

A-nan thưa:

–Pháp này vốn do Ngài dạy, cũng từ Ngài mà lưu xuất, mong Ngài vì con mà nói. Khi Ngài nói xong, đệ tử sẽ thọ trì, khiến cho lời nói ấy được hiểu rõ và lợi ích.

Đức Phật bảo A-nan:

–Hãy lắng nghe, thọ trì kỹ, nhớ mãi, Ta sẽ nói.

Như vậy Hiền giả A-nan theo Phật để nghe pháp. Đức Phật dạy:

–Này A-nan, có người hành đạo, hoặc không cho rằng sắc tác thành thân, cũng không cho rằng chấp sắc là thân, cũng không cho sắc không có hạn lượng, cũng không cho sắc nhỏ hẹp, cũng không cho sự

chấp vào sắc không có hạn lượng là thân. Nay A-nan, người hành đạo không cho sắc nhỏ hẹp là pháp tác thành thân, cũng không cho sự chấp là thân. Hiện tại, nay A-nan, người hành đạo ấy không cho sắc nhỏ hẹp là thân, cũng không cho sự đọa xuống là thân, sau khi thân hoại mạng chung lại không còn thấy ảnh tượng (ngã) của thân này. Hai quan điểm (sắc là... và thấy ảnh tượng của thân) là không đúng.

Cũng vậy, nay A-nan, người hành đạo cho rằng không phải sắc nhỏ hẹp là thân, cũng không chấp là thân này. Cũng vậy, nay A-nan, người hành đạo cho rằng không phải sắc nhỏ hẹp là thân thì không bị trói buộc.

Nay A-nan, hoặc có người hành đạo không cho sắc không có hạn lượng là thân, cũng không cho sắc tác động là thân. Hiện tại, nay A-nan, người hành đạo không cho sắc không có hạn lượng là thân, cũng không chấp đó là thân, khi thân hoại mạng chung, khiến cho không còn thấy lại ảnh tượng của thân tướng nữa. Như vậy không phải là đối tượng, như vậy chính là chẳng có thân đó. Cũng vậy, nay A-nan, kẻ hành đạo không cho sắc không có hạn lượng là thân, cũng không rơi vào sự chấp vào thân. Cũng như vậy, A-nan, nếu có người hành đạo cho rằng không phải sắc không có hạn lượng là thân thì không bị trói buộc.

Nay A-nan, hoặc người hành đạo không cho rằng không phải sắc nhỏ hẹp là thân, cũng không rơi vào chấp thân. Hiện tại, nay A-nan, người hành đạo cho rằng không phải sắc nhỏ hẹp là thân, cũng không rơi vào chấp thân, sau khi thân hoại mạng chung rồi, khiến cho không còn thấy lại hình tượng của thân tướng nữa. Như vậy đó chẳng phải là đối tượng, như vậy đó chính là chẳng có thân đó. Cũng thế, nay A-nan, kẻ hành đạo không cho rằng chẳng phải sắc nhỏ hẹp là thân, cũng không rơi vào chấp thân. Nay A-nan, người hành đạo như vậy không cho không phải sắc nhỏ hẹp khiến người ấy không bị trói buộc.

Nay A-nan, hoặc là có người hành đạo không cho không phải sắc không có hạn lượng là thân, cũng không rơi vào sự chấp thân này. Hiện tại, nay A-nan, người hành đạo không cho rằng không phải sắc là thân, cũng không rơi vào kiến chấp cho là tác thành thân, sau khi thân hoại mạng chung, thân như vậy khiến cho không còn thấy kiến chấp ấy nữa, không cho là đối tượng như vậy, như vậy chính là không có thân đó.

Cũng vậy, nay A-nan, người hành đạo không cho rằng không phải sắc không có hạn lượng là thân, cũng không rơi vào sự chấp đó là thân. Nay A-nan, người hành đạo như vậy không cho là không phải sắc

không có hạn lượng, cũng khiến cho thân không bị trói buộc.

Cũng vậy, hoặc có người hành đạo không cho không phải sắc không có hạn lượng là thân, cũng chẳng tác thành thân, cũng không rơi vào sự chấp đó là thân. Nay A-nan, cũng có bảy chỗ khiến cho thức được an trú, cũng có hai thọ hành mà theo đó được giải thoát.

1. Đối với loài có sắc mà theo đó có nhiều thân, nhiều tư tưởng, ví như ở cõi người hay ở cõi trời. Đó là chỗ an trú thứ nhất của thức.

2. Đối với loài có sắc mà theo đó có một thân nhưng nhiều tư tưởng, như cõi trời tên là Phạm thiên, ở đó được trường thọ. Đó là trú xứ thứ hai của thức.

3. Đối với loài có sắc mà theo đó có một thân nhưng nhiều tư tưởng, ví như cõi trời tên Minh thanh. Đó là chỗ trú xứ thứ ba của thức.

4. Đối với loài có sắc mà theo đó có một thân, một tư tưởng, như cõi trời tên Biến tịnh. Đó là trú xứ thứ tư của thức.

5. Đối với loài không có sắc mà theo đó có chúng sanh từ tất cả sắc tướng vượt qua nhiều tướng diệt, là vô hữu lượng không, dùng không tuệ để tâm an trú, như cõi trời tên Không tuệ hành (Không vô biên xứ thiên). Đó là trú xứ thứ năm của thức.

6. Đối với loài không có sắc mà theo đó có chúng sanh tu tập tất cả từ không rốt ráo vượt đến thức vô hạn lượng, từ tuệ mà an trú tâm, ví như cõi trời tên Thức tuệ (Thức vô biên xứ thiên). Đó là trú xứ thứ sáu của thức.

7. Đối với loài không có sắc mà theo đó có chúng sanh từ tất cả thức tuệ vượt qua vô hữu lượng, bất dụng, theo tuệ đó an trú tâm, ví như cõi trời Bất dụng tùng thị tuệ (Vô sở hữu xứ thiên). Đó là trú xứ thứ bảy của thức.

Nay A-nan, thế nào là “Cũng có hai thọ hành mà từ đó được giải thoát?”

–Có người hành đạo theo nhân duyên của sắc khiến cho không còn tư tưởng như cõi trời tên Bất tư tưởng (Vô tưởng thiên). Đó là thọ hành mà theo đó được giải thoát thứ nhất.

–Có người hành đạo theo nhân duyên vô sắc, không thọ dụng theo tất cả nên được độ, vì thọ hành an trú ở cảnh giới không có tư tưởng mà cũng có tư tưởng (Phi hữu tưởng, Phi vô tưởng), như cõi trời tên Bất tư tưởng diệt hữu tư tưởng. Đó là thọ hành mà theo đó được giải thoát thứ hai.

Này A-nan, chỗ thức an trú theo thứ lớp ấy là từ nhân duyên tu tập sắc hành nhiều thân, nhiều tư tưởng, ví như ở cõi trời hay ở cõi người cũng đồng một xứ.

Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết chỗ an trú của thức này, cũng biết thức ấy, cũng biết chỗ tập khởi của nó, cũng biết từ đó mà diệt mất, cũng biết sự ưa thích của nó, cũng biết khổ xúc của nó, cũng biết con đường thoát khỏi nó. Khi đã biết như vậy rồi, này A-nan, người hành đạo đối với chỗ an trú của thức có nên mong cầu, có nên mơ tưởng, có nên trụ trong đó chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, chỗ thức dừng nghỉ thứ hai là từ nhân duyên tu tập sắc hành, nhiều thân nhưng một tưởng, như cõi trời tên Phạm thiên, được sống lâu đệ nhất ở tại đó. Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết chỗ an trú của thức ấy, cũng biết thức ấy, cũng biết chỗ tập khởi của nó, cũng biết từ đó mà diệt mất, cũng biết sự ưa thích của nó, cũng biết khổ xúc của nó, cũng biết con đường thoát ra khỏi nó. Vậy thì, này A-nan, người hành đạo đối với trú xứ của thức có nên mong cầu, mơ tưởng và an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, chỗ trú thứ ba của thức là từ nhân duyên tu tập sắc hành một thân nhưng nhiều tưởng; như cõi trời tên là Minh. Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết chỗ trú của thức ấy, biết chỗ tập khởi của nó, cũng biết sự từ đó mà diệt mất, cũng biết sự ưa thích của nó, cũng biết khổ xúc của nó, cũng biết con đường thoát khỏi nó. Đã biết như vậy rồi, này A-nan, người hành đạo đối với chỗ trú của thức ấy có nên mong cầu, mơ tưởng và an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, chỗ trú thứ tư của thức, từ nhân duyên tu tập sắc hành một thân, một tư tưởng như cõi trời tên Biến tịnh. Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết chỗ trú của thức ấy, cũng biết chỗ tập khởi của nó, cũng biết sự từ đó mà diệt mất, sự ưa thích của nó, khổ xúc của nó, cũng biết con đường thoát khỏi nó. Đã biết như vậy rồi, này A-nan, người hành đạo đối với chỗ trú của thức có nên mong cầu, mơ tưởng và

an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, chỗ dừng trú năm của thức, là từ nhân duyên tu tập không có sắc hành, do đã vượt qua mọi sắc, địa tướng không còn, có vô lượng không, tu tập an trú vào không tuệ, như cõi trời tên là Không tuệ. Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết chỗ trú của thức ấy, cũng biết chỗ tập khởi của nó, cũng biết từ đó mà diệt mất, cũng biết sự ưa thích của nó, khổ xúc của nó, và con đường thoát khỏi nó. Vậy thì, này A-nan, người hành đạo đối với chỗ trú của thức có nên mong cầu, mơ tưởng và an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, chỗ trú thứ sáu của thức là nhân duyên tu tập không có sắc hành, tất cả từ không tuệ vượt đến an trú thức vô hữu lượng thọ tuệ hành, như cõi trời tên Thức tuệ. Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết chỗ trú của thức này, chỗ tập khởi của nó, sự biến mất của nó, sự ưa thích của nó, khổ xúc của nó, và cũng biết con đường thoát khỏi nó. Đã biết như vậy, này A-nan, người hành đạo đối với chỗ trú của thức ấy có nên mong cầu, mơ tưởng và an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, đối với chỗ trú thứ bảy của thức là từ nhân duyên tu tập không có sắc hành tất cả từ Thức tuệ vượt đến vô hữu lượng bất dụng kỹ xả thọ tuệ hành, như cõi trời tên Bất dụng thọ tuệ hành (Vô sở hữu xứ thiên). Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết chỗ trú của thức này, chỗ tập khởi của nó, cũng biết sự biến mất của nó, sự ưa thích của nó, sự khổ xúc của nó, cũng biết con đường thoát khỏi nó. Đã biết vậy rồi, này A-nan, bấy giờ người hành đạo đối với chỗ trú của thức có nên mong cầu, mơ tưởng và an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, thọ hành mà theo đó được giải thoát thứ nhất, có người theo nhân duyên tu tập sắc, không có tướng cũng không thọ, như cõi trời tên Bất tư (Vô tướng thiên). Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết nó từ thọ, cũng biết nó từ thọ tập, cũng biết sự biến mất của nó, sự



ưa thích của nó, sự khổ xúc của nó, cũng biết con đường thoát ra khỏi nó. Đã biết như vậy, khi ấy, này A-nan, người hành đạo đối với thọ hành mà theo đó được giải thoát này có nên mong cầu, mơ ước, an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, thọ hành mà theo đó được giải thoát thứ hai, có người do nhân duyên tu tập không có sắc, tất cả đều không thọ dụng theo tuệ đạt đến an trụ trong cảnh giới không có tư tưởng, cũng chẳng tư tưởng thọ hành (xa lìa Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng, Phi vô tưởng), tức là cõi trời Vô hữu tư tưởng giải (Phi tưởng phi phi tưởng xứ). Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết từ thọ hành này được giải thoát, chỗ tập khởi của nó, cũng biết sự biến mất của nó, sự ưa thích của nó, sự khổ xúc của nó, cũng biết con đường thoát ra khỏi nó. Đã biết như vậy, thì này A-nan, người hành đạo đối với thọ hành mà theo đó được giải thoát này có nên mong cầu, mơ ước, an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, nếu kẻ hành đạo biết như vậy, thấy như vậy, nói là không biết, không thấy, nếu có kiết sử này, bấy giờ nên nói là thường, hay nên nói là vô thường; nên nói thế gian có bản thể (ngã) hay nên nói thế gian là không có bản thể, nên nói: đắc đạo rồi chết sanh trở lại, hay nên nói: đắc đạo không còn chết nữa? Vậy có hay không có sự thoát khỏi sự chết ở thế gian từ sự trói buộc này? Lúc đó, này A-nan, người hành đạo đối với bảy chỗ trú của thức và hai thọ hành đắc giải thoát như vậy, như đã thấy rõ bằng trí tuệ, theo tâm ý đã thông tỏ mà được giải thoát. Đó gọi là, này A-nan, bậc tu tập Vô sở trước (A-la-hán), nhờ tuệ mà được giải thoát.

Này A-nan, cũng có tám giải thoát xứ. Những gì là tám? Đó là:

1. Bên trong có sắc, quán sắc. Đó là giải thoát xứ thứ nhất.
2. Nội quán sắc, không quán tưởng ngoại sắc. Đó là giải thoát xứ thứ hai.
3. Quán ba mươi sáu vật bất tịnh trong thân, tu tập quán chiếu nên được chỉ. Đó là giải thoát xứ nhất thiết thứ ba.
4. Do đã lìa sắc tưởng, diệt địa tưởng, nhiều tưởng, không nghĩ đến Vô lượng không tuệ đã thọ rồi, ví như trời Không tuệ. Đó là giải

thoát xứ thứ tư.

5. Vượt qua tất cả từ không tuệ đạt vô hữu lượng thức tuệ thọ rồi, gọi là trời Thức tuệ. Đó là giải thoát xứ thứ năm.

6. Vượt qua tất cả từ Thức tuệ (Thức vô biên) được Vô sở hữu, không dùng Thọ tuệ hành, gọi là trời Bất dụng vô sở dụng tuệ hành. Đó là giải thoát xứ thứ sáu.

7. Vượt qua tất cả từ không dụng tuệ, được Vô hữu tư tưởng, cũng chẳng phải Vô hữu tư tưởng (Phi tưởng phi phi tưởng), đình chỉ thọ hoàn toàn, gọi là trời Tư tưởng. Đó là giải thoát xứ thứ bảy.

8. Vượt qua tất cả từ không có tư tưởng đạt đến chỗ diệt tư tưởng và giác ngộ hoàn toàn, thân đã tịnh chỉ xúc và thọ hoàn toàn. Đó là giải thoát xứ thứ tám.

Này A-nan, nếu người hành đạo đối với bảy chỗ an trú của thức, hai thọ hành mà từ đó được giải thoát và tám giải thoát xứ này, nếu như có trí tuệ, theo đó mà thấy, từ bỏ không thọ dụng ngã thì liền được giải thoát. Như vậy là có phước cho thân mình nhờ pháp môn định chỉ này. Này A-nan, đó gọi là hành đạo Vô sở trước, nhờ hai thọ hành mà được giải thoát.

Đức Phật nói như vậy, Tôn giả A-nan tín thọ phụng hành.

